

Tăng tỷ trọng

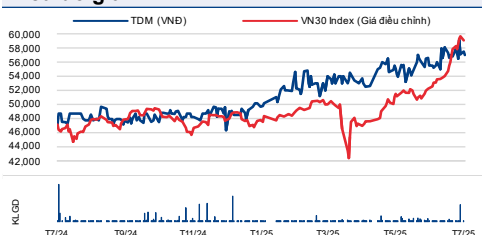
Giá mục tiêu: VNĐ64,600

Tiềm năng tăng/giảm: 13.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (22/7/2025)	57,000
Mã Bloomberg	TDM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	46,367-59,100
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	57,200
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	6,270
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	240
Sig CP lưu hành (tr.đv)	110
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	55.0
Sig CP NN được mua (tr.đv)	51.6
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	3.11%
Tỷ lệ freefloat	70.0%
Cổ đông lớn	VCI (14.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	544	398	410
EBITDA đc (tỷ đồng)	385	287	296
LNTT (tỷ đồng)	225	207	206
LNT ĐC (tỷ đồng)	421	403	413
FCF (tỷ đồng)	388	(148)	121
EPS ĐC (đồng)	4,007	3,647	3,714
DPS (đồng)	1,273	1,400	1,300
BVPS (đồng)	22,893	23,296	23,773
T.trưởng EBITDA (%)	2.54	(25.4)	3.17
T.trưởng EPS ĐC (%)	(31.3)	(7.97)	(0.83)
Tăng trưởng DPS (%)	(2.10)	10.0	(7.14)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	70.7	72.2	72.3
Tỷ suất LNTT (%)	41.4	51.9	50.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	37.5	49.8	48.2
Tỷ lệ LN trả CT (%)	65.4	78.1	73.2
Nợ thuần/VCSH (%)	4.86	7.94	1.49
ROAE (%)	8.98	7.76	7.55
ROACE (%)	9.99	4.38	3.43
EV/doanh thu (lần)	11.7	16.4	15.5
EV/EBITDA ĐC (lần)	16.6	22.8	21.5
P/E ĐC (lần)	14.2	15.6	15.3
P/B (lần)	2.49	2.45	2.40
Lợi suất cổ tức (%)	2.23	2.46	2.28

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

TDM là công ty nước với công suất đạt 260,000 mét khối nước/ngày. TDM sở hữu 37.42% cổ phần của BWE, công ty nước có công suất lớn thứ 3 tại Việt Nam

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Hoàng Thanh Nhã

Chuyên Viên Phân Tích, Ngành Năng

nha.nht@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 271

Nguyễn Hoàng Nam

Giám Đốc, Ngành Năng Lượng

nam.nhoang@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 190

Q2/2025: KQKD vượt dự báo; công bố thương vụ mua lại

- Lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2025 đạt 196 tỷ đồng, tăng 120% so với cùng kỳ và đạt 99% dự báo cả năm của chúng tôi. Kết quả này được thúc đẩy bởi cổ tức từ BWE (đúng với dự báo của HSC) và DNW (trước đó chúng tôi dự kiến nhận trong nửa cuối năm). Nếu không tính đến các khoản cổ tức này, lợi nhuận thuần nửa đầu năm giảm 26% so với cùng kỳ.
- TDM đã vay được 5,5 triệu USD để tài trợ cho việc mua lại 20 triệu cổ phiếu tại CTCP Cấp nước Biwase Long An từ công ty liên kết BWE (Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 60.300đ). Giao dịch này dự kiến sẽ tăng đòn bẩy tài chính của TDM đồng thời cho phép BWE thu hồi một phần vốn đầu tư tại BWE Long An.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 2,7% trong 1 tháng qua, TDM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15,4 lần, cao hơn 1,7 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2023. Trong khi chờ đánh giá lại chi tiết, HSC duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

Sự kiện: Công bố BCTC Q2/2025

TDM công bố lợi nhuận thuần Q2/2025 và nửa đầu năm 2025 đạt lần lượt 53 tỷ đồng (tăng 1,3% so với cùng kỳ) và 196 tỷ đồng (tăng 120% so với cùng kỳ). Lợi nhuận nửa đầu năm 2025 đạt 99% dự báo cả năm của chúng tôi (và đạt 86% bình quân dự báo thị trường), đúng với kết quả sơ bộ đã công bố trước đó (Bảng 1).

KQKD nửa đầu năm 2025 được đẩy mạnh nhờ vào các khoản cổ tức từ hai công ty liên kết: (1) 107 tỷ đồng từ khách hàng cung cấp nước duy nhất BWE (TDM sở hữu 37,42% cổ phần), đúng với dự báo của HSC, và (2) 23 tỷ đồng từ CTCP Cấp nước Đồng Nai (DNW, chưa khuyến nghị, TDM sở hữu 12,06% cổ phần).

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2 và 6 tháng đầu năm 2025, TDM

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2025 được thúc đẩy chủ yếu nhờ cổ tức tiền mặt từ BWE và DNW

Tỷ đồng	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	So với cùng kỳ	Dự báo 2025 - HSC	% dự báo
Doanh thu thuần	100	-47%	0%	200	-32%	398	50%
Doanh thu nước	100	-29%	0%	200	-19%	398	50%
Doanh thu vật liệu	0	-100%	-100%	0	-99%	0	
Lợi nhuận gộp	48	-40%	-6%	98	-23%	141	70%
Màng nước	48	-39%	-6%	98	-23%	141	
Màng vật liệu	0	-100%	-100%	0	-99%	0	
Thu nhập tài chính	26	1137%	-76%	134	3192%	136	99%
Cổ tức	24	57.9x	-78%	131	325.4x	121	108%
Chi phí tài chính	-15	-29%	138%	-21	-19%		
Chi phí lãi vay	-6	213%	324%	-8	32%		
Chi phí BH&QL	-3	4%	-31%	-7	2%		
LNTT	56	-3%	-62%	204	105%	207	99%
Lợi nhuận thuần	53	1%	-63%	196	120%	198	99%
Trừ cổ tức	29	-44%	-21%	66	-26%	77	86%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	47.7%	5.5ppt	-2.8ppt	49%	+6ppt		
Nước	47.7%	-8.1ppt	-3.0ppt	49%	-2ppt		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	52.7%	24.9ppt	91.1ppt	98%	+68ppt		
Trừ cổ tức	29.1%	1.5ppt	-7.7ppt	33%	+2.6ppt		

Nguồn: TDM, HSC

Khoản cổ tức này đến sớm hơn dự kiến (chúng tôi trước đó giả định DNW sẽ chỉ trả cổ tức 14 tỷ đồng cho TDM trong nửa cuối năm như các năm trước). Nếu không tính đến các khoản cổ tức này, lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2025 của TDM ước tính đạt 66 tỷ đồng, giảm 26% so với cùng kỳ, và tương ứng với 86% dự báo cả năm của chúng tôi.

Mảng cung cấp nước của TDM đã gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn này, chủ yếu do giá bán bình quân thấp hơn 21,5% so với BWE từ tháng 3 đến tháng 6/2025, cùng với sản lượng tiêu thụ trong nửa đầu năm giảm 4% so với cùng kỳ (Bảng 2).

Thương vụ mua lại được dùng như công cụ tái cấu trúc tài chính

Trong quý này, TDM đã được cấp khoản vay ngân hàng 5,5 triệu USD (tương đương 144 tỷ đồng) để tài trợ cho việc mua lại 20 triệu cổ phiếu (tương đương 31,1% quyền sở hữu tại thời điểm cuối năm 2024) tại CTCP Cấp nước Biwase Long An (gọi tắt là Biwase Long An) từ BWE. Trước giao dịch này, BWE nắm giữ 94,54% cổ phần của Biwase Long An. Để phòng ngừa rủi ro, TDM đã áp dụng các giao dịch hoán đổi tiền tệ chéo nhằm cố định lãi suất vay ở mức 7,1% và phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái ở mức 26.185đ. Tại thời điểm cuối Q2/2025, TDM đã thanh toán toàn bộ số tiền này cho BWE.

HSC cho rằng 5,5 triệu USD không phản ánh toàn bộ giá trị giao dịch Biwase Long An, vì mức định giá hiện tại thấp hơn 45% so với giá vốn đầu tư của BWE vào Biwase Long An (chưa bao gồm khoản đầu tư vào nhà máy nước Nhị Thành). Tương tự như trường hợp Biwase Quảng Bình (Bảng 3), chúng tôi dự kiến Biwase Long An sẽ không được hợp nhất vào BCTC của TDM.

Phù hợp với quan điểm đã nêu trong báo cáo ngành [‘Lợi ích hài hòa cùng phát triển’](#) (ngày 13/6/2025), chúng tôi xem thương vụ này là một hình thức chia sẻ các nghĩa vụ tài chính giữa những công ty liên quan. TDM, với tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH ở mức thấp 4,86% tại thời điểm cuối năm 2024, có thể nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua việc tăng đòn bẩy. Trong khi đó, BWE, với tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH cao ở mức 112% tại thời điểm cuối năm 2024, có thể rút vốn đầu tư khỏi Biwase Long An để hỗ trợ các kế hoạch đầu tư khác, bao gồm: xây dựng nhà máy điện rác thứ hai công suất 24 MW (giai đoạn 1 là 12 MW) và tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Cấp nước Biwase Cần Thơ, đơn vị vừa khánh thành nhà máy nước Cần Thơ 3 vào tháng 6 vừa qua.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu tăng 2,7% trong 1 tháng qua, TDM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15,4 lần, cao hơn 1,7 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2023 ở mức 11,6 lần. Trong khi chờ đánh giá lại chi tiết, HSC duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

Bảng 2: KQKD mảng nước 6 tháng đầu năm 2025, TDM

KQKD mảng nước kém tích cực với sản lượng tiêu thụ giảm 4% và giá bán bình quân giảm 15,4% trong 6 tháng đầu năm 2025

	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	So với cùng kỳ	Dự báo 2025-HSC	% dự báo
Sản lượng sản xuất (triệu m ³)	19	-8.7%	17.8%	34	-3.9%	73.3	47%
Công suất nhà máy nước (%)	78%	-7.5ppt	11.1ppt	73%	-3%		
Sản lượng tiêu thụ (triệu m³)	18	-8.9%	17.4%	34	-4.0%	73	47%
Tỷ lệ thất thoát (%)	0.70%	-0.1ppt	0.4ppt	0.5%	0.1ppt		
Giá bán bình quân/m³ (đồng)	5,436	-21.6%	-14.5%	5,861	-15.4%	5,449	108%
Lợi nhuận gộp/m ³ (đồng)	2,595	-33.0%	-19.6%	2,887	-19.5%	1,955	148%

Nguồn: TDM, HSC ước tính

Bảng 3: Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của TDM tại các công ty liên kết, sau khi tính đến sở hữu của BWE

Tương tự như Biwase Quảng Bình, chúng tôi dự báo KQKD của BWE Long An sẽ không đưa vào báo cáo hợp nhất của TDM

Công ty liên kết của TDM	Tỷ lệ sở hữu của TDM (cuối Q2/25)	Tỷ lệ sở hữu của BWE tại các công ty con của TDM (cuối Q2/25)	Tỷ lệ sở hữu chung của TDM
BWE	37.42%	-	37.42%
Wase	25.00%	-	25.00%
Gia Tân - Cẩm Mỹ	25.00%	-	25.00%
Giwaco	23.32%	34.79%	36.34%
CMW	24.39%	-	24.39%
Biwase Quảng Bình	42.30%	38.48%	56.70%
CTW	22.96%	24.64%	32.18%
DNW	12.06%	18.83%	19.11%
Phú Mỹ Vinh	10.00%	-	10.00%
BWE Long An (*)	31.06%	63.5%	54.81%

Ghi chú: Số liệu của BWE Long An ước tính sau giao dịch giữa TDM và BWE.
Source: TDM, BWE, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	533	544	398	410	422
Lợi nhuận gộp	241	258	141	120	170
Chi phí BH&QL	(14.2)	(14.2)	(14.2)	(14.2)	(14.2)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	227	243	127	106	156
Lãi vay thuần	75.4	(18.2)	79.5	99.6	107
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	0.15	0.07	0	0	0
LNTT	302	225	207	206	262
Chi phí thuế TNDN	(18.7)	(20.9)	(8.53)	(8.45)	(14.1)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	283	204	198	197	248
Lợi nhuận thuần ĐC	424	421	403	413	497
EBITDA ĐC	376	385	287	296	306
EPS (đồng)	2,834	1,947	1,792	1,777	2,234
EPS ĐC (đồng)	4,243	4,007	3,647	3,714	4,469
DPS (đồng)	1,300	1,273	1,400	1,300	1,300
Sig CP bình quân (triệu đv)	100	105	111	111	111
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	100	110	111	111	111
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	100	110	111	111	111

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	110	264	343	605	758
Đầu tư ngắn hạn	40.0	157	127	118	108
Phải thu khách hàng	351	156	137	61.5	63.3
Hàng tồn kho	2.06	77.3	58.4	62.2	66.2
Các tài sản ngắn hạn khác	2.10	2.93	4.13	6.30	8.60
Tổng tài sản ngắn hạn	505	657	669	853	1,004
TSCĐ hữu hình	650	696	716	827	776
TSCĐ vô hình	-	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	60.0	7.48	157	7.48	8.48
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,232	1,532	1,532	1,532	1,532
Tài sản dài hạn khác	156	131	147	152	156
Tổng tài sản dài hạn	2,098	2,366	2,553	2,518	2,473
Tổng cộng tài sản	2,603	3,024	3,221	3,371	3,477
Nợ ngắn hạn	215	112	112	112	112
Phải trả người bán	52.4	6.57	6.79	9.04	11.4
Nợ ngắn hạn khác	240	112	78.2	76.4	74.5
Tổng nợ ngắn hạn	515	238	200	200	203
Nợ dài hạn	52.3	267	433	529	529
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	52.3	267	433	529	529
Tổng nợ phải trả	567	505	633	730	732
Vốn chủ sở hữu	2,037	2,518	2,588	2,641	2,745
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,037	2,518	2,588	2,641	2,745
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,603	3,024	3,221	3,371	3,477
BVPS (đ)	20,366	22,893	23,296	23,773	24,707
Nợ thuần*/(tiền mặt)	157	116	203	36.8	(117)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	227	243	127	106	156
Khấu hao	(149)	(142)	(160)	(190)	(150)
Lãi vay thuần	75.4	(18.2)	79.5	99.6	107
Thuế TNDN đã nộp	(18.7)	(20.9)	(8.53)	(8.45)	(14.1)
Thay đổi vốn lưu động	99.9	(55.2)	(0.75)	69.6	(5.97)
Khác	(96.2)	223	(71.9)	(47.7)	(49.5)
LCT thuần từ HKKD	341	523	182	272	198
Đầu tư TS dài hạn	(81.2)	(135)	(330)	(151)	(100)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	(64.2)	(497)	13.5	4.59	5.74
LCT thuần từ HĐĐT	(145)	(632)	(316)	(146)	(94.3)
Cổ tức trả cho CSH	(130)	(140)	(156)	(144)	(144)
Thu từ phát hành CP	64.4	0	0	0	300
Tăng/giảm nợ	11.1	112	166	96.0	0
Khác	(64.4)	291	203	185	(106)
LCT thuần từ HĐTC	(119)	263	213	137	49.6
Tiền & tương đương tiền đầu kì	33.5	110	264	343	605
LCT thuần trong kỳ	76.5	154	78.8	262	154
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	110	264	343	605	758
Dòng tiền tự do	260	388	(148)	121	98.3

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	45.2	47.3	35.5	29.4	40.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	70.5	70.7	72.2	72.3	72.4
Tỷ suất LNT (%)	53.2	37.5	49.8	48.2	58.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	6.19	9.28	4.13	4.11	5.37
Tăng trưởng doanh thu (%)	11.2	2.22	(26.9)	3.00	3.00
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(2.21)	2.54	(25.4)	3.17	3.16
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(10.1)	(0.84)	(4.17)	2.35	20.3
Tăng trưởng EPS (%)	28.6	(31.3)	(7.97)	(0.83)	25.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(10.1)	(5.56)	(8.98)	1.85	20.3
Tăng trưởng DPS (%)	8.33	(2.10)	10.0	(7.14)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	45.9	65.4	78.1	73.2	58.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	13.9	8.98	7.76	7.55	9.22
ROACE (%)	10.7	9.99	4.38	3.43	4.83
Vòng quay tài sản (lần)	0.21	0.19	0.13	0.12	0.12
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.50	2.15	1.43	2.56	1.27
Số ngày tồn kho	2.57	98.3	83.2	78.5	95.8
Số ngày phải thu	439	199	194	77.5	91.6
Số ngày phải trả	65.6	8.37	9.67	11.4	16.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	8.09	4.86	7.94	1.49	(4.10)
Nợ/tài sản (%)	10.6	12.8	17.0	19.1	18.6
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	13.4	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.73	1.00	1.91	2.17	2.11
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.98	2.76	3.34	4.25	4.96
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	11.0	11.7	16.4	15.5	14.7
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.6	16.6	22.8	21.5	20.3
P/E (lần)	20.1	29.3	31.8	32.1	25.5
P/E ĐC (lần)	13.4	14.2	15.6	15.3	12.8
P/B (lần)	2.80	2.49	2.45	2.40	2.31
Lợi suất cổ tức (%)	2.28	2.23	2.46	2.28	2.28

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn